

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU
Số: 51/2019/QĐST – DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Giá Rai, ngày 28 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH **CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 209/2018/TLST – DS ngày 5 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**
- Nguyên đơn: Bà **Thái Thị K**, sinh năm 1976
 - + Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện Đ, tỉnh B
 - + Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: luật sư Trần Hoàng Ph – Đoàn luật sư tỉnh C.
 - Bị đơn: Ông **Quách Vinh T**, sinh năm 1967
Bà **La Hạnh C**, sinh năm 1986
 - + Cùng địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B.
 - + Người đại diện theo ủy quyền: ông La Minh K, sinh năm 1984, địa chỉ Khóm 4, phường H, thị xã G, tỉnh B.
 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 1. Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1968
 2. Anh **Lê Quốc A**, sinh năm 2002
 - + Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện Đ, tỉnh B
 - + Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Quốc A: Bà **Thái Thị K**, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện Đ, tỉnh B.

3. Văn phòng Công chứng Trần Văn N(Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Văn phòng Công chứng H)

+ Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn N – Chức vụ: Trưởng văn phòng

+ Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Thanh Th – Nhân viên văn phòng Công chứng.

4. Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh B

+ Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Hùng Tr – Chức vụ: Chủ tịch xã

+ Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn Đ – Chức vụ: Phó Chủ tịch xã

5. Ông Trần Thanh B, sinh năm 1981, địa chỉ Ấp A, Thị Trấn H, huyện H, tỉnh B.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về thời gian giao dịch các bên thống nhất là vào ngày 12/12/2016

+ Bà Thái Thị Kiều, ông Quách Vinh T, bà La Hạnh C (ông T, bà C ủy quyền cho ông La Văn K), ông Lê Văn T thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng cầm cố đất ngày 12/12/2016, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/12/2016 được văn phòng Công chứng H chứng thực số 2421, quyền số 2TP/CC – SCC/HĐGD giữa ông Lê Văn Thuyên và ông Quách Vinh T, bà La Hạnh C là vô hiệu.

+ Tuyên bố hợp đồng cầm cố đất ngày 12/12/2016, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/12/2016 được văn phòng Công chứng H chứng thực số 2421, quyền số 2TP/CC – SCC/HĐGD giữa ông Lê Văn Th và ông Quách Vinh T, bà La Hạnh C là vô hiệu.

+ Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ hoàn trả ông Quách Vinh T, bà La Hạnh C số tiền vốn cầm cố đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 250.000.000đ và 50.000.000đ tiền lãi, tổng cộng là 300.000.000đ. Ông T, bà C yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án đối với số tiền vốn.

+ Ông Quách Vinh T, bà La Hạnh C có nghĩa vụ giao trả cho bà Thái Thị K, ông Lê Văn Th bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V919918, thửa số 732, 731, tờ bản đồ số 19, diện tích 33.100m², tọa lạc Ấp 1, xã A (nay là Ấp 2, xã A), huyện Đ, tỉnh B, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Lê Văn Th vào ngày 16/10/2002.

+ Về hình thức trả các bên thống nhất được ấn định trong giai đoạn thi hành án.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành là 300.000đ, ông Quách Vinh T, bà La Hạnh C tự nguyện nộp 300.000đ, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai. Ông Lê Văn Th có nghĩa vụ nộp án phí đối với số tiền trả lãi phát sinh 50.000.000đ là 1.250.000đ, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai. Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 300.000đ, lai thu số 0011064, ngày 04/04/2018 của bà K, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, sẽ được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật(đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi

hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + *Dương sự;*
- + *VKSND thị xã Giá Rai;*
- + *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Lê Văn Thiêm